

GIÁ TRỊ VÀ SỨC SỐNG BỀN VỮNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

**CÔNG HIẾN CỦA C.MÁC TRONG XÂY DỰNG,
PHÁT TRIỂN PHÉP BIỆN CHỨNG DUY VẬT**

Nguyễn Đình Bắc¹

¹ Phó giáo sư, tiến sĩ, Khoa Triết học, Học viện Chính trị, Bộ Quốc phòng.

Email: bacnguyen2781@gmail.com

Nhận ngày 1 tháng 11 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 26 tháng 11 năm 2018.

Tóm tắt: Bài viết tập trung phân tích, luận giải những công hiến quan trọng và thiết thực của C.Mác trong việc xây dựng và phát triển phép biện chứng duy vật - linh hồn sống của chủ nghĩa Mác trên một số khía cạnh cơ bản: Kế thừa có phê phán phép biện chứng trong lịch sử, sáng tạo ra phép biện chứng duy vật; tìm ra sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng, giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan, giữa phép biện chứng, lý luận nhận thức và lôgic biện chứng,... làm cho phép biện chứng duy vật trở thành một khoa học. Đồng thời, vận dụng sáng tạo, hiệu quả phép biện chứng duy vật vào khoa học kinh tế chính trị và thực tiễn.

Từ khóa: C.Mác, phép biện chứng, công hiến, phép biện chứng duy vật.

Các Mác - nhà lý luận lỗi lạc, nhà tư tưởng thiên tài, nhà cách mạng vĩ đại của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, người sáng lập ra học thuyết khoa học và cách mạng nhất mọi thời đại. Có thể nghiên cứu, đánh giá C.Mác ở nhiều phương diện, góc độ khác nhau, nhưng dù ở phương diện và góc độ nào cũng không thể phủ nhận những đóng góp hết sức to lớn của ông đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại. Một trong số đó là công hiến nổi bật của C.Mác trong xây dựng, phát triển phép biện chứng duy vật.

Trên thực tế, do bận nhiều công việc quan trọng và phải tập trung cho những nhiệm vụ ưu tiên, cấp thiết nên C.Mác không có điều kiện để viết những tác phẩm bàn riêng về lý luận phép biện chứng duy vật. Song điều đó không có nghĩa những tư tưởng, quan điểm của C.Mác về phép biện chứng duy vật lại vắng bóng, mờ nhạt. Trái lại, vấn đề này đã được ông trình bày chi tiết và luận giải một cách sâu sắc trong nhiều tác phẩm khác nhau, đặc biệt là trong bộ *Tư bản*. Đúng như khẳng định của Ph.Ăngghen:

“Công lao của Mác là ở chỗ ông là người đầu tiên đã phục hồi lại phương pháp biện chứng đã bị bỏ quên, nêu rõ những mối quan hệ và sự khác nhau của phương pháp đó với phép biện chứng của Hêghen, và đồng thời, trong bộ “*Tư bản*”, ông đã áp dụng phương pháp đó vào những sự kiện của một khoa học thực nghiệm xác định, khoa kinh tế chính trị. Ông đã thành công đến mức là ngày nay, nếu phái kinh tế học hiện đại ở Đức mà hơn được phái mậu dịch tự do tầm thường thì cũng là nhờ đã mượn cơ phê phán Mác để sao chép lại Mác” [2, tr.493-494]. Theo đó, việc làm rõ những cống hiến của C.Mác trong xây dựng, phát triển phép biện chứng duy vật có thể tiếp cận trên một số khía cạnh chủ yếu sau:

1. *C.Mác kế thừa có phê phán phép biện chứng trong lịch sử, sáng tạo ra phép biện chứng duy vật*

Phép biện chứng duy vật của C.Mác là sự kế thừa, tiếp thu tất cả những gì quý giá và vĩ đại về phép biện chứng mà toàn bộ sự phát triển của triết học đã tạo ra. Lịch sử tư tưởng biện chứng được bắt đầu từ những thành tựu của các nhà triết học Hy Lạp cổ đại như Hêraclít, Arixtôt,... Con đường dẫn đến phép biện chứng đã được mở ra trong thời kỳ cận đại thông qua những tư tưởng biện chứng chứa đựng trong triết học của Đêcáctơ, Xpinôda, Đidôrô, Rút-xô và những nhà tư tưởng khác của Pháp ở thế kỷ XVIII, hoặc thông qua một số quan điểm biện chứng quan trọng của các nhà chủ nghĩa xã hội không

tương như Xanhximông, Phuriê. Đặc biệt, phải kể đến quan niệm biện chứng của các nhà triết học cổ điển Đức gắn liền với tên tuổi của những đại biểu xuất sắc, như Cantơ, Phích-tơ, Sêlinh và nhất là phép biện chứng của Hêghen.

Tuy nhiên, sự kế thừa tư tưởng nhân loại, trong đó có phép biện chứng ở C.Mác nói riêng và các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung luôn mang tính chọn lọc, dưới hình thức cải tạo và lý giải có phê phán; đồng thời các ông còn dựa chắc vào sự phát triển của khoa học, các nhiệm vụ lịch sử đương thời để sáng tạo ra *phép biện chứng duy vật*. Thực tiễn lịch sử đã minh chứng, khi nghiên cứu phép biện chứng trong triết học Hy Lạp cổ đại, C.Mác đã xem xét một cách toàn diện và chi rõ: Dưới góc độ phép biện chứng những giá trị triết học thời kỳ này có ý nghĩa rất to lớn, trong đó phải nói đến Hêraclít. Các nhà triết học Hy Lạp cổ đại đã nhận thức được và phát hiện ra nhiều yếu tố của phép biện chứng, như mối liên hệ giữa các hiện tượng và sự vật, sự vận động vĩnh viễn của vật chất, tính thống nhất của những mặt đối lập của sự vật, tính nhân quả của sự phát sinh, phát triển và diệt vong của sự vật, v.v.. Những yếu tố biện chứng đó chính là sự phỏng đoán thiên tài về những nguyên lý và quy luật của phép biện chứng mà C.Mác gọi là phép biện chứng “với tính chất thuần phác tự nhiên chưa bị khuấy đục bởi những trở ngại đáng yêu” [2, tr.491].

Mặc dù vậy, việc nghiên cứu phép biện chứng ở các nhà triết học Hy Lạp cổ đại chỉ cốt nâng cao nghệ thuật tranh luận, nghệ thuật hùng biện để bảo vệ những luận điểm triết học của mình và để tìm ra chân lý. Kết quả của những nghiên cứu này chưa được khoa học chứng minh bằng thực nghiệm và cũng chưa được nghiên cứu một cách tự giác, có ý đồ, có mục đích từ đầu và chưa thành hệ thống. Cho nên, “cách nhìn ấy, dù cho nó có nắm đúng tính chất chung của toàn bộ bức tranh về các hiện tượng, vẫn không đủ để giải thích những chi tiết hợp thành bức tranh toàn bộ, và chừng nào chúng ta chưa biết được các chi tiết ấy thì chúng ta chưa thể hiểu rõ được bức tranh toàn bộ ấy” [2, tr.35].

Phép biện chứng duy vật của C.Mác ra đời trên cơ sở kế thừa tất cả yếu tố tiến bộ của các hình thức trước đó của nó, trong đó trực tiếp và chủ yếu là phép biện chứng duy tâm của Hêghen. Nhưng ngay cả với phép biện chứng của Hêghen, mặc dù C.Mác đánh giá rất cao giá trị và ý nghĩa kiệt xuất của nó - “Hêghen trở thành người đầu tiên trình bày một cách bao quát và có ý thức những hình thái vận động chung của phép biện chứng” [2, tr.494], song ông cũng đã phê phán phép biện chứng của Hêghen một cách sâu sắc và nghiêm khắc. Ông đã chỉ ra rằng, phép biện chứng đó coi thường nội dung thực tế, vật chất của các quá trình tự nhiên và xã hội; do đó bóp méo, giải thích một cách thần bí bản chất của chúng, miêu tả

sự biến đổi và phát triển như một quá trình tinh thần thuần túy. Theo C.Mác, thực chất phép biện chứng của Hêghen là phép biện chứng của tư duy, là phép biện chứng của ý niệm tuyệt đối, là phép biện chứng duy tâm. Như các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã khẳng định: “Hêghen là một nhà duy tâm, nghĩa là đối với ông thì những tư tưởng trong đầu óc của chúng ta không phải là những phản ánh ít nhiều trừu tượng của những sự vật và quá trình hiện thực, mà ngược lại, những sự vật và sự phát triển của chúng, đối với Hêghen, chỉ là những phản ánh thể hiện cái “ý niệm” nào đó tồn tại ở một nơi nào đó ngay trước khi có thế giới. Như vậy, tất cả đều bị đặt lộn ngược và mối liên hệ hiện thực của các hiện tượng của thế giới đều hoàn toàn bị đảo ngược” [2, tr.40-41]. C.Mác còn chỉ ra rằng, mâu thuẫn lớn nhất của triết học Hêghen là mâu thuẫn giữa phương pháp biện chứng với hệ thống duy tâm. Chủ nghĩa duy tâm của Hêghen về cơ bản đã bóp méo các tư tưởng biện chứng tuyệt diệu đó của ông.

Không dừng lại ở sự phê phán, C.Mác còn tiến hành cải tạo một cách duy vật phép biện chứng duy tâm của Hêghen, ông đã tách “hạt nhân hợp lý” vốn có của nó, vứt bỏ lối giải thích duy tâm về các hiện tượng tự nhiên và xã hội, giải thoát lối tư duy quy các quá trình vật chất vào sự vận động lôgic của tư duy, vào sự nhận thức của “ý niệm tuyệt đối”, v.v.. Qua đó, C.Mác đã đem

lại cho phép biện chứng một hình thức lịch sử mới, không những khác mà còn đối lập với phép biện chứng của Hêghen. Như chính C.Mác đã nhấn mạnh: “Phương pháp biện chứng của tôi không những khác phương pháp của Hêghen về cơ bản, mà còn đối lập hẳn với phương pháp ấy nữa. Đối với Hêghen, quá trình tư duy - mà ông ta thậm chí còn biến thành một chủ thể độc lập dưới cái tên gọi ý niệm - chính là vị thần sáng tạo ra hiện thực, và hiện thực này chẳng qua chỉ là biểu hiện bên ngoài của tư duy mà thôi. Đối với tôi thì trái lại, ý niệm chẳng qua chỉ là vật chất được đem chuyển vào trong đầu óc con người và được cải biến đi ở trong đó” [3, tr.38]. Ông viết tiếp: “Phương pháp trình bày của tôi không phải phương pháp của Hêghen, vì rằng tôi là nhà duy vật, còn Hêghen là nhà duy tâm. Phép biện chứng Hêghen là hình thức cơ bản của mọi phép biện chứng, nhưng chỉ sau khi nó đã được giải thoát khỏi hình thức thần bí của nó, mà đây chính là cái phân biệt với phương pháp của tôi” [4, tr.729].

Đánh giá công lao to lớn này của C.Mác, Ph.Ăngghen đã viết: “Trước kia và hiện nay Mác vẫn là người duy nhất có thể đảm đương được công việc rút từ lôgic học của Hêghen ra cái hạt nhân bao hàm những phát kiến thật sự của Hêghen trong lĩnh vực này, và khôi phục lại phương pháp biện chứng, được giải phóng khỏi những cái vô duy tâm

của nó, dưới một dạng đơn giản trong đó nó trở thành một hình thái phát triển duy nhất đúng đắn của tư tưởng” [1, tr.613-614].

Rõ ràng, dấu ấn đầu tiên của C.Mác trong quá trình xây dựng, phát triển phép biện chứng duy vật đó là đã tiếp thu một cách sáng tạo, kế thừa có chọn lọc, có phê phán cách mạng toàn bộ thành tựu nhận thức của nhân loại về biện chứng khách quan được cô đúc bởi một hệ thống các nguyên lý, phạm trù, quy luật thực sự khoa học. Trong đó, ông đã khắc phục được sự cảm tính, trực quan, thiếu cơ sở khoa học của phép biện chứng cổ đại, đồng thời gạt bỏ được tính chất tư biện, thiếu triệt để của phép biện chứng duy tâm của Hêghen để đem lại cho nhân loại một hệ thống lý luận khoa học, hoàn bị và thực sự cách mạng về sự phát triển.

2. *C.Mác tìm ra sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng, giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan, giữa phép biện chứng, lý luận nhận thức và lôgic biện chứng... làm cho phép biện chứng duy vật trở thành một khoa học*

Không chỉ thỏa mãn với việc cải tạo duy vật phép biện chứng duy tâm, C.Mác đồng thời tiến hành cải tạo một cách biện chứng chủ nghĩa duy vật siêu hình trước đó. Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã liên kết một cách hữu cơ, tạo thành một thể thống nhất không tách rời giữa chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng, giữa

biện chứng khách quan với biện chứng chủ quan, giữa phép biện chứng, lý luận nhận thức và lôgic biện chứng.

Từ khi triết học Mác ra đời đã có không ít những luận điệu xuyên tạc của các học giả tư sản khi cho rằng, chủ nghĩa duy vật biện chứng là sự lắp ghép cơ học giữa chủ nghĩa duy vật đã có trong lịch sử với phép biện chứng duy tâm. Về mặt nguyên tắc, sự kết hợp này không thể thực hiện được. Và trên thực tế, “phép biện chứng duy tâm mới cũng không thể hợp nhất với thế giới quan duy vật được, vì nó được xây dựng trên sự phủ định bất kỳ chủ nghĩa duy vật nào. Hơn thế, chủ nghĩa duy vật siêu hình cũng không thể liên kết được với quan điểm biện chứng về tự nhiên và xã hội, vì nó phủ nhận bất kỳ phép biện chứng nào” [6, tr.12].

Thực tiễn đã chứng minh, trước C.Mác các học thuyết triết học duy vật cũng đã chứa đựng không ít những luận điểm riêng biệt thể hiện tinh thần biện chứng. Song, do hạn chế bởi điều kiện xã hội và của trình độ phát triển khoa học, nên chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng tách rời nhau, có tư tưởng duy vật nhưng không biện chứng, hoặc có biện chứng nhưng lại không duy vật. Trên cơ sở nghiên cứu có phê phán và kế thừa có chọn lọc những thành tựu xuất sắc của triết học trước đó (tiêu biểu, trực tiếp là chủ nghĩa duy vật của Phoiơbắc và hạt nhân hợp lý trong phép biện chứng của Hêghen), C.Mác cùng với Ph.Ăngghen đã

giải thoát chủ nghĩa duy vật khỏi tính hạn chế thô sơ, siêu hình và tạo ra chủ nghĩa duy vật biện chứng, đồng thời giải thoát phép biện chứng khỏi tính chất tự phát, duy tâm thần bí, tạo ra phép biện chứng duy vật. Từ đó, lần đầu tiên trong lịch sử triết học, C.Mác đã thống nhất một cách tài tình chủ nghĩa duy vật với phép biện chứng. Sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng trong triết học Mác được biểu hiện ở sự thâm nhập lẫn nhau của chúng, ở chỗ chủ nghĩa duy vật là biện chứng, còn phép biện chứng là duy vật.

Thật vậy, sở dĩ C.Mác đã có thể sáng tạo ra phương pháp biện chứng và đặt cho nó một cơ sở khoa học là vì ông đã xem xét phương pháp ấy trong mối liên hệ chặt chẽ giữa nó với chủ nghĩa duy vật triết học. Khi C.Mác nói rõ sự khác nhau giữa phương pháp của mình với phương pháp của Hêghen bao giờ ông cũng khẳng định và đặt lên hàng đầu tính chất duy vật ở phép biện chứng của mình. Bởi, theo C.Mác, không có và không thể có phương pháp khoa học mà lại không dựa trên một cơ sở duy vật, trên nhận thức luận duy vật. Sự thất bại của phép biện chứng duy tâm của Hêghen đã chứng thực điều đó. Ngược lại, mỗi luận điểm trong triết học của C.Mác vừa là duy vật, vừa là biện chứng ở mức như nhau. Do đó, “các thuật ngữ “chủ nghĩa duy vật biện chứng” và “phép biện chứng duy vật” là bình đẳng, đồng nhất xét về ý nghĩa cơ bản của chúng” [6, tr.13].

Theo quan điểm của C.Mác, trong thế giới vật chất cả trong tự nhiên lẫn trong xã hội, các quá trình vật chất và biện chứng không tồn tại riêng biệt, không phải là hai quá trình khác nhau. Ngược lại, toàn bộ quá trình tự nhiên và xã hội đều diễn ra một cách biện chứng. Chỉ có điều, vì những lý do khác nhau mà các nhà triết học, nhất là các nhà duy vật siêu hình khi nghiên cứu các quá trình vật chất đã không nhìn thấy tính chất biện chứng của chúng. Trong khi đó, các nhà biện chứng duy tâm, lúc vạch ra các quá trình biện chứng trong nhận thức họ đã vô tình không nhìn thấy, hoặc cố tình không muốn thấy những cơ sở vật chất, những quá trình biện chứng vật chất. Bởi vậy, chính C.Mác đã nhiều lần phản bác các quan điểm sai trái cho rằng phép biện chứng mácxít và chủ nghĩa duy vật mácxít như là phương pháp và lý luận tách biệt nhau. Nhất quán và bảo vệ quan điểm khoa học này của C.Mác, những người mácxít sau này đã tiếp tục khẳng định: “Phép biện chứng trong hệ thống chủ nghĩa Mác - Lênin không chỉ là phương pháp mà còn là lý luận, cụ thể là lý luận phát triển, là học thuyết về những quy luật phát triển của toàn bộ cái đang tồn tại. Đến lượt mình, chủ nghĩa duy vật triết học mácxít không chỉ là lý luận (đương nhiên là lý luận biện chứng), học thuyết về những hình thức phổ biến của sự vận động vật chất, lý luận nhận thức, v.v. mà còn là phương pháp, cụ

thể là phương pháp nghiên cứu duy vật” [6, tr.16].

Mặt khác, ở phép biện chứng duy vật của C.Mác còn có sự thống nhất hữu cơ giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan, trong đó biện chứng khách quan quyết định biện chứng chủ quan. C.Mác cho rằng, thực chất đây là sự thống nhất giữa hiện thực khách quan và lý luận phản ánh. Trong đó hiện thực khách quan là cái có trước, cái sinh ra và quyết định cái phản ánh, cái được phản ánh và cái phản ánh không bao giờ trùng khít hoàn toàn; mặt khác quá trình tư duy, quá trình nhận thức còn có những quy luật vốn có của nó. Chúng ta hiểu biện chứng của “ý niệm” chính là biện chứng của sự vật và do biện chứng của sự vật quyết định chứ không phải do “ý niệm” quyết định. Còn cái phản ánh về thực chất là sự sao chụp, chép lại đúng như hiện thực khách quan vốn có. Xét về tư duy biện chứng thì nội dung là khách quan, còn xét về hình thức thì tư duy biện chứng là chủ quan, vì nó thông qua hoạt động của chủ thể nhận thức (thông qua óc của con người và cơ chế phản ánh); ở đó các thao tác của tư duy vận động biến đổi như thế nào thì phản ánh sự vận động khách quan như thế ấy.

Xuất phát từ cách giải quyết duy vật biện chứng về mối quan hệ giữa tư duy và tồn tại, biện chứng khách quan quyết định biện chứng chủ quan, đến lượt nó, biện chứng chủ quan có tác động trở lại đối với biện chứng khách quan. Do vậy, biện

chúng khách quan là biện chứng của thế giới vật chất; biện chứng chủ quan là sự phản ánh biện chứng khách quan, là tư duy biện chứng. Triết học Mác đã nhấn mạnh: “Biện chứng gọi là khách quan thì chi phối trong toàn bộ giới tự nhiên, còn biện chứng gọi là chủ quan, tức là tư duy biện chứng, thì chỉ là phản ánh sự chi phối, trong toàn bộ giới tự nhiên, của sự vận động thông qua những mặt đối lập, tức là những mặt, thông qua sự đấu tranh thường xuyên của chúng và sự chuyển hóa cuối cùng của chúng từ mặt đối lập này thành mặt đối lập kia, resp - (trung tự) với những hình thức cao hơn, đã quy định sự sống của giới tự nhiên” [2, tr.694].

Chính sự thống nhất giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan đã trở thành cơ sở phương pháp luận chung cho các hoạt động cải tạo tự nhiên và xã hội. Và đây là một đặc trưng của phép biện chứng duy vật, đồng thời cũng là một trong những đóng góp nổi bật của C.Mác về vấn đề này.

Ngoài ra, phép biện chứng duy vật của C.Mác là hình thức biện chứng đầu tiên đã chấm dứt sự thần bí hóa duy tâm chủ nghĩa đối với lôgic và nhận thức luận. Theo C.Mác, nhận thức luận chỉ có tính chất khoa học khi nó được xây dựng dựa trên những nguyên lý của phép biện chứng, khi nó thấm nhuần tinh thần của biện chứng. Và C.Mác đã từng nhấn mạnh, phép biện chứng duy vật đã là khoa học về các quy luật chung nhất của sự phát triển của thế giới tự nhiên và của xã

hội, tức là của thế giới khách quan, thì đồng thời cũng là lôgic của tư duy, là lý luận về sự nhận thức các quy luật của tư duy. Quan điểm đó sau này đã được V.I.Lênin khẳng định lại: “Lôgic không phải là học thuyết về những hình thức bên ngoài của tư duy, mà là học thuyết về những quy luật phát triển của “tất thảy mọi sự vật vật chất, tự nhiên và tinh thần”, tức là học thuyết về những quy luật phát triển của toàn bộ nội dung cụ thể của thế giới và nhận thức thế giới, tức là sự tổng kết, tổng số, kết luận của lịch sử nhận thức thế giới” [7, tr.101].

Nhưng như C.Mác đã chỉ rõ, những quy luật chung nhất của sự phát triển của thực tại mà phép biện chứng trình bày cũng là những quy luật chung nhất của nhận thức, mà tư duy dựa vào để nắm được hiện thực. Điều này có nghĩa, phép biện chứng duy vật của C.Mác không chỉ là lý thuyết về nhận thức luận và lôgic biện chứng, mà các yếu tố đó (phép biện chứng, lý luận nhận thức và lôgic biện chứng) luôn là một thể thống nhất không tách rời. Chính “V.I.Lênin cũng hiểu như vậy khi ông chỉ ra rằng “biện chứng chính là lôgic học và nhận thức luận của chủ nghĩa Mác”, rằng “biện chứng, lôgic học và nhận thức luận chỉ là một” [5, tr.12].

Như vậy, chỉ có C.Mác và triết học của ông mới có thể hợp nhất được sự giải thích duy vật về thế giới với phương pháp biện chứng thành một thể duy nhất, do đó mà chủ nghĩa duy vật chân chính không thể tách rời phép biện chứng, cũng như

phép biện chứng chân chính luôn gắn liền với chủ nghĩa duy vật. Đồng thời, ở đó lý luận và phương pháp, biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan, phép biện chứng, lý luận nhận thức và lôgic biện chứng cũng luôn có sự thống nhất hữu cơ với nhau; trên cơ sở đó đã nâng phép biện chứng duy vật thực sự trở thành một khoa học. Và đây chính là cống hiến nổi bật của C.Mác trong xây dựng, phát triển phép biện chứng mácxít.

3. *C.Mác vận dụng sáng tạo, hiệu quả phép biện chứng duy vật vào khoa học kinh tế chính trị và thực tiễn*

Đối với C.Mác, phép biện chứng duy vật nói chung và các phạm trù, nguyên lý của nó chỉ có giá trị nếu được dùng để biểu hiện một nội dung vật chất, nghĩa là được ứng dụng vào sự phát triển của bản thân hiện thực; tức là, đưa nó vào trong nghiên cứu các khoa học khác, nhất là trong thực tiễn. Trên thực tế, mỗi tác phẩm của C.Mác đều là một kiểu mẫu về việc áp dụng phép biện chứng duy vật vào phân tích những vấn đề cụ thể của khoa học và của thực tiễn cách mạng. Nhưng về mặt này thì bộ "Tu bản" là tác phẩm đặc sắc và điển hình nhất. Như V.I.Lênin đã viết: "Marx không để lại cho chúng ta "Lôgích học" (với chữ L. viết hoa), nhưng đã để lại cho chúng ta lôgích của "Tu bản", và cần phải tận dụng đầy đủ nhất lôgích đó để giải quyết vấn đề mà chúng ta đang nghiên cứu. Trong "Tu bản", Mác áp dụng lôgích, phép biện chứng và lý luận nhận thức

[không cần ba từ: đó là cùng một cái duy nhất] của chủ nghĩa duy vật vào một khoa học duy nhất; mà chủ nghĩa duy vật thì đã lấy ở Hêghen tất cả cái gì có giá trị và phát triển thêm lên" [7, tr.359-360].

Mặc dù bộ *Tu bản* không nghiên cứu triết học mà nghiên cứu kinh tế chính trị học, về chủ nghĩa tư bản; tuy tác phẩm đó làm sáng tỏ những quy luật phát sinh, phát triển và tiêu vong của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, nhưng tác phẩm này vẫn là "khoa học lôgic" của chủ nghĩa Mác. Theo các nhà nghiên cứu mácxít, đối với việc tìm hiểu phép biện chứng duy vật của C.Mác thì bộ *Tu bản* có một giá trị không gì sánh được. Phép biện chứng ấy đã trở thành nguyên tắc phương pháp luận quan trọng trực tiếp, là cơ sở khoa học mà các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác đã tiến hành trong triết học, trong kinh tế chính trị học và trong lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học.

Đúng như C.Mác đã xác định, muốn xây dựng một cơ sở khoa học cho chủ nghĩa xã hội thì sự phân tích toàn diện những quan hệ kinh tế của chủ nghĩa tư bản có một ý nghĩa trọng yếu hàng đầu. Tức là, chỉ trên cơ sở nghiên cứu chế độ kinh tế của xã hội tư bản mới có thể biến chủ nghĩa xã hội từ không tưởng trở thành một khoa học, "mới có thể vũ trang cho giai cấp vô sản sự hiểu biết những quy luật về sự phát triển xã hội để đấu tranh chống chủ nghĩa tư bản, và để, theo như Mác nói, phát hiện được chính ngay bản chất của sự vật" [5, tr.6].

Từ rất sớm, trước khi bộ *Tư bản* ra đời, C.Mác đã viết nhiều tác phẩm nghiên cứu kinh tế nổi tiếng, như *Sự khốn cùng của triết học*, *Góp phần phê phán khoa kinh tế chính trị*... Nhưng chỉ trong bộ *Tư bản* thì C.Mác mới giải quyết hoàn toàn vấn đề giải phẫu xã hội tư bản. Thông qua việc vận dụng linh hoạt, sáng tạo phép biện chứng duy vật xuyên suốt tác phẩm mà bộ *Tư bản* đã xé toang bức màn bao phủ phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa cũng như kết cấu tư bản chủ nghĩa - một trong những kết cấu phức tạp nhất trong lịch sử các xã hội. Theo C.Mác, sở dĩ các nhà kinh tế học tư sản đã không thể nghiên cứu một cách khoa học chủ nghĩa tư bản, ngoài các lý do khác, còn là vì họ không có được một nhận thức luận đúng đắn, một phương pháp biện chứng. Như C.Mác đã nghiên cứu và chỉ ra rằng, đương nhiên các nhà kinh tế học tư sản, kể cả Smít và Ricácđô đã không giải thích được tính chất của chủ nghĩa tư bản, chủ yếu là vì họ gắn chặt với chế độ tư bản, với giai cấp tư sản mà họ là những người đại diện về mặt tư tưởng. “Nhưng quan điểm triết học của họ, nhận thức luận siêu hình học của họ, toàn bộ quan điểm duy tâm của họ về xã hội cũng có một tác dụng quan trọng” [5, tr.8]. Vì thế, ở bộ *Tư bản*, C.Mác đã phải giải quyết vấn đề nhận thức luận ấy để nghiên cứu một cách khoa học phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Trong đó, phép biện chứng duy vật được ông áp dụng triệt để và hiện thực hóa linh hoạt trong thực tiễn dưới hình

thức phân tích một cách cụ thể hiện thực khách quan.

Cho nên, không phải ngẫu nhiên mà bộ *Tư bản* lại được đánh giá là tác phẩm đặc sắc nhất của C.Mác về phương pháp biện chứng. Như V.I.Lênin đã nhận xét, “bộ *Tư bản* của Mác là mẫu mực vĩ đại nhất của việc nghiên cứu phép biện chứng”, “phương pháp trình bày (respective nghiên cứu) phép biện chứng nói chung (bởi vì phép biện chứng của xã hội tư sản đối với Mác chỉ là một trường hợp riêng biệt của phép biện chứng) phải là như vậy” [7, tr.380]. Trong Lời nói đầu cho lần xuất bản thứ hai tập I của tác phẩm này, C.Mác đã đặc biệt nhấn mạnh đến mối liên hệ không thể tách rời giữa phép biện chứng duy vật với cuộc đấu tranh cách mạng triệt để chống chế độ tư bản chủ nghĩa. Theo đó, trong bộ *Tư bản*, chính C.Mác đã nói rõ tại sao các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản lại căm ghét phép biện chứng đến vậy. Ông viết: “Dưới dạng hợp lý của nó, phép biện chứng chỉ đem lại sự giận dữ và kinh hoàng cho giai cấp tư sản và bọn tư tưởng giáo điều của chúng mà thôi, vì trong quan niệm tích cực về cái hiện đang tồn tại, phép biện chứng đồng thời cũng bao hàm cả quan niệm về sự phủ định cái hiện đang tồn tại đó, về sự diệt vong tất yếu của nó; vì mỗi hình thái đã hình thành đều được phép biện chứng xét ở trong sự vận động, tức là xét cả mặt nhất thời của hình thái đó; vì phép biện chứng không khuất phục trước một cái gì cả, và về thực chất thì nó có

tính chất phê phán và cách mạng” [3, tr.35-36]. Nói cách khác, với phép biện chứng duy vật được áp dụng một cách đúng đắn và sáng tạo, bộ *Tư bản* đã phá tan tận gốc những quan điểm cho rằng chế độ tư bản sẽ tồn tại vĩnh viễn, đồng thời tiên đoán một cách chính xác sự ra đời của một xã hội mới thay thế cho xã hội tư bản, đó là xã hội xã hội chủ nghĩa.

Tuy không có thời gian để viết một tác phẩm nào riêng về lý luận phép biện chứng, mà chỉ để lại cho chúng ta “phép biện chứng của tư bản”, nhưng với những dấu ấn nổi bật trong việc kế thừa có phê phán cách mạng phép biện chứng trong lịch sử, C.Mác đã xây dựng nên phép biện chứng duy vật; đồng thời, tìm ra sự thống nhất giữa chủ nghĩa duy vật và phép biện chứng, giữa lý luận và phương pháp, giữa biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan, giữa phép biện chứng, lý luận nhận thức và lôgic biện chứng, qua đó làm cho phép biện chứng duy vật thực sự trở thành một khoa học. Đặc biệt, C.Mác đã vận dụng sáng tạo và hiệu quả phép biện chứng đó vào khoa học kinh tế chính trị và trong thực tiễn cách mạng,... Những điều đó là quá đủ để khẳng định một cách sinh động và thuyết phục những cống hiến vô cùng to lớn của C.Mác trong xây dựng và phát triển phép biện chứng duy vật.

Đối với sự nghiệp cách mạng Việt Nam những năm qua và công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, phép biện chứng duy vật do C.Mác

sáng tạo nói riêng vẫn là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng nước ta. Trong điều kiện mới, việc đẩy mạnh nghiên cứu, học tập, vận dụng sáng tạo và phát triển phép biện chứng duy vật của C.Mác cũng như lý luận mácxít phù hợp với điều kiện cụ thể của cách mạng Việt Nam; làm rõ những giá trị bền vững của chủ nghĩa Mác - Lênin, những vấn đề cần bổ sung và phát triển cho phù hợp với thực tiễn đất nước và thời đại; kiên quyết đấu tranh với những khuynh hướng tư tưởng sai trái, phản động để bảo vệ sự trong sáng của học thuyết khoa học và cách mạng này là vấn đề rất cấp thiết.

Tài liệu tham khảo

- [1] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, t.13,,Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [2] C.Mác và Ph.Ăngghen (1994), *Toàn tập*, t.20, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] C.Mác và Ph.Ăngghen (1993), *Toàn tập*, t.23, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [4] C.Mác và Ph.Ăngghen (1997), *Toàn tập*, t.32, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [5] M.Rôdentan (1962), *Những vấn đề về phép biện chứng trong bộ Tư bản của Mác*, Nxb Sự thật, Hà Nội.
- [6] Viện Hàn lâm Khoa học Liên Xô (1998), *Lịch sử phép biện chứng, tập IV - “Phép biện chứng mácxít (từ khi xuất hiện chủ nghĩa Mác đến giai đoạn Lênin)”*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [7] V.I.Lênin (2006), *Toàn tập*, t.29, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội.